



VIỆN VĂN HỌC

NGHIÊN CỨU

VĂN HỌC

L I T E R A R Y S T U D I E S

■ ISSN 0494-6928

Số 7 (569)

Tháng 7-2019

TẠP CHÍ CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

MỤC LỤC

Chuyên san *Văn học các dân tộc thiểu số Nam Bộ*
- từ truyền thống đến hiện đại

LỜI ĐẦU SỐ

ĐOÀN LÊ GIANG	Người Hoa với Chiêu Anh Các - “Salon văn học” quốc tế đầu tiên của Việt Nam	3
PHẠM TIẾT KHÁNH	Truyện cổ dân tộc Chăm và Khmer nhìn từ góc độ đề tài	12
<u>NGUYỄN KIM CHÂU</u>	<u>Hình tượng Quan Công qua câu đối trong chùa, miếu người Hoa ở An Giang</u>	22
HỒ QUỐC HÙNG - HUỲNH VŨ LAM	Truyện cười dân gian Khmer trong đời sống thực tại	31
NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN	Từ truyện Ream Kê đến sân khấu Dù kê, Rô băm của người Khmer Nam Bộ	42
TẶNG VĂN THÒN	Đặc điểm ngôn ngữ thơ bảy chữ trong dân ca người Khmer Nam Bộ	50
NGUYỄN THỊ NHUNG	Sự tương đồng trong type truyện “Dũng sĩ diệt yêu quái” của người Khmer Nam Bộ và người Việt	57
NGUYỄN HỮU LỄ	Văn học Châu Ro – Từ truyền thống đến hiện đại	66
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Vị thế hai nhà thơ gốc Hoa Trịnh Hoài Đức - Ngô Nhân Tĩnh trong nền văn học dân tộc giai đoạn thế kỷ XVIII - XIX	78
PHAN MẠNH HÙNG – VÕ MINH TRUNG	Trương Hảo Hiệp và <i>Mộng Mai đình Hoa nguyên thảo tập</i>	84
NGUYỄN TRƯỞNG TUẤN	Vương Hồng Sên và <i>Tự vị tiếng Việt miền Nam</i> – Nhìn từ văn hóa tộc người Nam Bộ	100
ĐỖ THỊ THU HUYỀN	Giải lãnh thổ trạng thái xa xứ trong sáng tác Lý Lan	112

HÌNH TƯỢNG QUAN CÔNG QUA CÂU ĐỐI TRONG CHÙA, MIẾU NGƯỜI HOA Ở AN GIANG

NGUYỄN KIM CHÂU*

Tóm tắt: Hiện nay, các di tích chùa, miếu người Hoa ở Đồng bằng sông Cửu Long bảo tồn được khá nhiều câu đối chữ Hán, vừa có giá trị về nghệ thuật điêu khắc, thư pháp, vừa là một nguồn dữ liệu có khả năng góp thêm một nét riêng, đáng chú ý vào diện mạo của nền văn chương Hán học trên vùng đất mới. Bài viết tìm hiểu ý nghĩa, giá trị văn hóa, văn chương của những câu đối được sưu tầm tại các chùa, miếu người Hoa ở An Giang qua việc khảo sát trường hợp những câu đối có nội dung khắc họa chân dung nhân vật lịch sử Quan Công nổi tiếng thời Tam Quốc, một người anh hùng mang những phẩm chất lý tưởng, từ đó hé lộ phần nào đời sống tín ngưỡng của cư dân.

Từ khóa: Câu đối, Quan Công, Di dân người Hoa, An Giang.

Abstract: Nowadays, in Hoa people (Chinese descent)'s pagodas and temples in Mekong Delta, a relatively wide range of Sino antithetical couplets are still preserved. These heritages are not only valuable sculptural and calligraphic works, but also a unique and significant aspect of the whole picture of the young Sino literature in the new land. Aiming to discover and identify the cultural and literary values of those antithetical couplets collected from Hoa people (Chinese descent)'s pagodas and temples in An Giang province, we conduct case studies on antithetical couplets depicting the image of Guan Yu, a well-known historical figure in the Three Kingdoms period, a hero of ideal qualities in romances, and an important God of Mekong Delta residents.

Key words: Antithetical couplet, Guan Yu, Chinese descent, An Giang

1. An Giang là một trong những nơi ghi nhận khá sớm các đợt di dân người Hoa có nguồn gốc từ hậu duệ nhóm di dân của Dương Ngạn Địch ở Mỹ Tho và nhóm di dân của Mạc Cửu ở Hà Tiên vào thế kỷ XVII- XVIII. Đầu thế kỷ XIX, An Giang còn ghi nhận thêm một đợt di dân người Hoa rất lớn trong chiến lược mở mang và bảo vệ Châu Đốc tân cương, vùng đất được triều Nguyễn xem là biên giới phương Nam của “hoàng triều cương thổ”. *Quốc*

triều chính biên toát yếu cho biết: Năm 1817, Gia Long cho rằng “xứ Châu Đốc đất tốt mà người ít” nên “cử người đến cai quản, chiêu tập người Việt, người Thổ, người Tàu vào cho đông, hễ có biết nghề trồng cây, nuôi súc vật, buôn bán hay làm nghề gôm, cho tùy nghề mà làm, người nào thiếu vốn thời nhà nước cho vay” [1, tr.129]. Tháng 8-1818, nước lụt làm lở đôn Châu Đốc, Gia Long lệnh cho tu bổ, phái binh đóng giữ, tiếp tục sai quan trấn Vĩnh Thanh “chiêu tập người Tàu, người Chân Lạp cho lập phố chợ, khai khẩn

* PGS.TS. - Trường Đại học Cần Thơ, Email: nkchau@ctu.edu.vn.

ruộng hoang ở phía sau đồn, cấm người Việt không được nhiễu hại” [1, tr.137]. Ngay từ buổi đầu khai phá, với tố chất nhẫn nại, năng động, dễ thích nghi, người Hoa nhanh chóng gắn bó, hòa hợp với các dân tộc Khmer, Chăm và lưu dân người Việt trong một cơ chế cộng cư mang tính chất mở đặc thù. Với kinh nghiệm buôn bán, tay nghề thủ công khéo léo và triết lý luôn đặt chữ “tín” lên hàng đầu trong mọi hoạt động, cộng đồng người Hoa trở thành một trong những nguồn lực quan trọng góp phần phát triển thương nghiệp, dịch vụ; luôn bám sát lưu dân người Việt trong quá trình khẩn hoang, lập làng, lập chợ; góp phần thu mua, trao đổi nông sản và cung cấp nguồn vốn cho hoạt động nông nghiệp, kích thích phát triển nền kinh tế hàng hoá địa phương. Với tinh thần đoàn kết và ý thức cộng đồng cao, các nhóm di dân người Hoa có nguồn gốc từ Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam... tập hợp thành các bang hội để gìn giữ tập tục, bản sắc văn hóa, giúp đỡ đồng hương gặp khó khăn trong buổi đầu lập nghiệp, cải thiện đời sống, phát triển kinh doanh. Sự ra đời của các hội quán, chùa, miếu người Hoa ở Nam bộ nói chung và An Giang nói riêng xuất phát từ một tập quán, nhu cầu bức thiết mà Đào Trinh Nhất trong *Thế lực Khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ* đã đúc kết rằng: “Trong Nam Kỳ, người Tàu ở quá nên ta trông thấy cái đặc chất của họ rõ ràng lắm: có phố Khách, có làng Khách, có đình chùa của Khách, nghĩa là họ đi đâu thì đem cái văn hóa của mình đi đấy, dầu cho bị phong trào xô đẩy nhưng mà bản sắc vẫn còn” [2, tr.103].

Mấy trăm năm qua, sự tồn tại của các hội quán, chùa, miếu người Hoa không chỉ in đậm một dấu ấn riêng, độc đáo trong

bức tranh đa sắc của vùng văn hóa Nam Bộ mà còn đóng góp một nguồn dữ liệu có giá trị nhất định trong việc phác thảo diện mạo của nền văn chương Hán học non trẻ trên vùng đất mới, đó là hệ thống câu đối tại các di tích. Về đẹp chân phương hay bay bổng, phóng khoáng của những con chữ tượng hình được chạm khắc, sơn son, thếp vàng, sắp xếp cân đối, hài hòa trên cột đá, xi măng hoặc gỗ quý tạo nên một phần hồn cốt mà thiếu chúng, các di tích tín ngưỡng người Hoa chắc chắn sẽ mất đi ít nhiều không khí tâm linh, cổ kính hay nét phong tục tập quán đặc sắc của cư dân. Qua những cụm từ, câu văn mang tính chất đối ngẫu, ngắn gọn, súc tích, giàu hình ảnh, âm điệu, chuyển tải nội dung gửi gắm niềm kính ngưỡng, ước vọng, ngợi ca những hình tượng thần thiêng âm phù cho con người trong quá trình di dân, định cư và phát triển, chúng ta cũng có thể tái hiện phần nào những sự kiện, biến động lịch sử; ít nhiều phục dựng được chân dung, tính cách, đời sống tâm hồn của các thế hệ Hoa kiều, Khách trú thời mở cõi. Một trong những hình tượng phổ biến được cư dân tôn sùng, thành kính cũng như được miêu tả khá sinh động trong hệ thống câu đối tại các chùa, miếu người Hoa ở Nam bộ nói chung và ở An Giang nói riêng chính là hình tượng Quan Công.

2. Bằng nhiều con đường khác nhau và do những nhu cầu thực tiễn khác nhau, Quan Vũ (162-219)¹, thường gọi là Quan Công, từ trong chính sử đã được dân gian hóa, tiểu thuyết hóa, huyền thoại hóa, thần thiêng hóa không chỉ tại đất nước sản sinh ra nhân vật này mà quá trình di dân của người Hoa còn mang theo nhân vật này đến những vùng

¹ Một số ý kiến cho rằng Quan Công sinh năm 160 mất năm 220.

đất khác, trong đó có vùng văn hóa Nam bộ ở nước ta cách đây mấy thế kỷ. Các nhà viết sử có cái nhìn khách quan như Tư Mã Quang không đề cao Quan Công bởi bên cạnh những chiến công lẫy lừng được ghi nhận trong chính sử như giết Nhan Lương, bắt sống Vu Cấm và Bàng Đức, ông cũng có những thất bại vì kiêu binh, chủ quan, chẳng hạn: bại trận khi đối đầu với Lý Thông, bị Nhạc Tiến và Văn Sính đánh lui ở gần Hạ Khẩu, bị Văn Sính dùng thủy quân truy đuổi ở Tầm Khẩu, cướp kho lương và đốt sạch chiến thuyền... Theo chính sử, Quan Công cũng là người có trách nhiệm không nhỏ trong việc để mất Kinh Châu dẫn đến cơ đồ nước Thục tiêu tan.

Tuy nhiên, khi bước vào chuyện kể của thuyết thư dân gian và sau đó, được tiểu thuyết hóa trong *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung, các nhược điểm của nhân vật từ góc nhìn chính sử bị che khuất, lược bỏ hoặc được khéo léo biện minh; trong khi đó các ưu điểm, chiến tích được tô đậm, thậm chí phóng đại qua lời kể dân gian cũng như qua ngòi bút sáng tạo đầy chủ ý của nhà văn¹. Theo đó, người bình dân đặc biệt xúc động, phấn khích, ngưỡng mộ với những trường đoạn được hư cấu, không có trong chính sử như: Quan Vân Trường qua năm ải chém sáu tướng; đưa Cam, My phu nhân dặm trường tìm anh, nửa đêm chong đèn đọc sách, giữ cửa cho hai chị để bảo toàn lễ tiết; chặt đầu Sái Dương chỉ trong một hồi trống trận, sẵn sàng bỏ qua quân lệnh mà tha chết cho Tào Tháo trong đại chiến Xích Bích... Trong tâm thức dân gian, Quan Công trở

thành hiện thân của người anh hùng đồm lược, khí khái can trường, trung, hiếu, tín, nghĩa, tài đức vẹn toàn. Ông cũng là biểu tượng cho những phẩm chất cao quý, vẻ đẹp nhân cách lý tưởng đáng tôn vinh như sự chính trực, công minh, đức hi sinh, lòng chung thủy, khoan dung...

Hình tượng Quan Công không chỉ được huyền thoại hóa với những phẩm chất lý tưởng mà còn được thần thiêng hóa để đáp ứng nhu cầu phong phú trong đời sống vật chất và tâm linh. Tương truyền, sau khi mất, ông được lập miếu thờ. Đến đời Tống, ông được phong tước công rồi tước vương. Đời Minh, ông được phong hiệu Quan Thánh Đế Quân. Nho giáo xem Quan Công là một vị thánh, tôn xưng ông là một trong Ngũ Văn Xương. Ông cũng được mệnh danh là Sơn Tây phu tử. Dân gian Trung Quốc có câu: *Ở Sơn Đông có một người làm kinh Xuân Thu* (chỉ Khổng Tử). *Ở Sơn Tây có một người xem kinh Xuân Thu* (chỉ Quan Công). Tương truyền, sinh thời Quan Công rất thích đọc kinh Xuân Thu. Đạo giáo xem Quan Công là một trong tứ đại Nguyên soái của Thượng đế. Phật giáo xem Quan Công là vị thần Già Lam, hộ pháp giữ chùa. Trong phong trào Thiên Địa hội thời Cần Long, Quan Công được người dân tôn xưng là vị thần đứng đầu trong Ngũ Công Vương Phật.

Trong đời sống tín ngưỡng của người Hoa ở Nam bộ nói chung và An Giang nói riêng, Quan Công là vị thần quan trọng được thờ phượng tại các chùa miếu và gia đình. Cư dân xem ông là biểu tượng của tinh thần trung liệt, tín nghĩa, một chỗ dựa tâm linh được kính tín tuyệt đối, có thể tạo nên sự kết nối thiêng liêng trong cộng đồng. Trong mỗi gia đình người Hoa, ông còn được thờ phụng với tư cách là một vị

¹ Tâm lý cực đoan thể hiện rõ qua cách khắc họa ba hình tượng nhân vật thời Tam Quốc được mệnh danh là "Tam tuyệt" gồm: Quan Công (tuyệt trung nghĩa), Khổng Minh (tuyệt tài trí), Tào Tháo (tuyệt gian hùng).

võ tài thần phù hộ việc kinh doanh hay một vị thần bản mệnh phù hộ cho người đàn ông lớn tuổi; lại có thể xua đuổi tà ma, ám khí từ bên ngoài xâm nhập vào nhà khi ông được thờ trong hình tượng cầm Thanh Long đao, mũi đao hướng ra ngoài.

3. An Giang hiện còn một số di tích chùa, miếu thờ Quan Công như Bắc Đê miếu, Quan Đê miếu, Quan Thánh miếu, chùa Quan Đê (Long Xuyên), Quan Đê miếu, Quan Thánh miếu (Châu Phú) Quan Đê cổ miếu, Quan Đê miếu (Tân Châu), Quan Thánh miếu (Chợ Mới), Quan Đê Thánh miếu (Phú Tân), miếu Quan Thánh (Châu Đốc). Trong số đó, các miếu thờ Quan Công ở Long Xuyên và Châu Đốc còn lưu giữ nhiều câu đối có giá trị văn chương và giá trị nghệ thuật điêu khắc, thư pháp¹... Qua các văn bản này, Quan Công được khắc họa sinh động trong hình tượng của một vị thần tối thượng có sức mạnh thiêng liêng, hiển hách âm phù cho cư dân, một người anh hùng mang vẻ đẹp và những phẩm chất lý tưởng, đáng ngưỡng mộ, noi gương.

Trong các chùa, miếu thờ ở An Giang nói riêng và Đồng bằng sông Cửu Long nói chung, chân dung Quan Công được miêu tả theo một công thức phổ biến: mặt đỏ, mắt sáng, chân mày xếch, râu dài, năm chòm sơn đuột, mặc áo bào xanh, tay cầm Thanh Long đao, cỡi ngựa Xích Thố hoặc đứng theo thế tấn trong võ học, mũi đao hướng ra ngoài. Khi khắc họa hình tượng Quan Công trong tư thế đứng, nghệ nhân điêu khắc

hoặc vẽ tranh thường cố gắng dùng các đường nét tinh tế để gợi cảm giác như cơ thể ông luôn dòn chứa một nguồn nội lực mạnh mẽ ẩn trong chiếc áo bào xanh bình dị. Hòa vào không khí tâm linh huyền hoặc hương khói, tư thế đứng vừa oai phong, vững chãi vừa ung dung, mềm mại và thần thái nghiêm nghị của ông có thể làm cho người thiện lương kính mộ, còn kẻ ác tâm thì hoảng sợ tránh xa.

Ấn tượng sâu đậm về dung mạo người anh hùng thời Tam Quốc và vị thần linh ứng hiển hách được thể hiện rõ qua các câu đối tại nơi thờ phụng, trong đó người sáng tác đặc biệt quan tâm đến các chi tiết ngoại hình có tính chất đặc thù, khó thể nhầm lẫn của Quan Công, đó là gương mặt đỏ và chiếc áo bào xanh. Không chỉ có ý nghĩa loại biệt, màu đỏ còn có tính chất ước lệ, phản ánh một nét tâm thức văn hóa đặc trưng. Đó không chỉ là màu được người Hoa rất ưa chuộng vì mang lại sự may mắn mà còn có ý nghĩa nhấn mạnh sự tương hợp giữa ngoại hình với tính cách (mặt đỏ - lòng son) theo quan điểm “tướng do tâm sinh” của người xưa. Màu xanh (chữ Hán là *thanh* 青) lại đồng âm với chữ *thanh* nghĩa là trong sạch, trong suốt, thanh cao, chỉ khác nhau về hình chữ (chữ *thanh* nghĩa là trong sạch có thêm bộ *thủy* 清). Nếu mặt đỏ được đặt trong thế tương hợp với lòng đỏ (*đan tâm, xích tâm*) thì áo xanh hẳn nhiên cũng ít nhiều gợi nhắc đến tấm lòng trong sáng, thanh cao của người quân tử, đáng trọng phụng. Các trường hợp tiêu biểu dưới đây cho thấy rõ nét đặc sắc trong nghệ thuật khắc họa chân dung hình tượng Quan Công bằng cách tạo điểm nhấn dựa trên mối quan hệ của hai màu sắc có ý nghĩa biểu tượng là đỏ và xanh:

¹ Dữ liệu về các di tích và văn bản câu đối tại các di tích là kết quả khảo sát thực địa trong khuôn khổ đề tài “Nghiên cứu sưu tầm di sản Hán Nôm An Giang phục vụ bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch” (2017-2018) do PGS.TS. Nguyễn Kim Châu chủ trì.

赤面赤心騎赤駒

青衣青甲手青龍

Xích diện, xích tâm, kỵ Xích câu;

Thanh y, thanh giáp, thủ Thanh Long.

(Mặt đỏ, lòng đỏ, cỡi ngựa Xích Thố;

Áo xanh, giáp xanh cầm đao Thanh Long)¹

(*Quan Đế miếu* - Long Xuyên)

赤兔嘶風驚吳曹之將士

青龍偃月扶蜀漢之江山

*Xích Thố tư phong, kinh Ngô Tào chi
tướng sĩ;*

*Thanh Long yển nguyệt, phù Thục
Hán chi giang san.*

(Ngựa Xích Thố hí gió kinh hồn
Ngô, Tào tướng sĩ;

Đao Thanh Long bán nguyệt phò tá
Thục Hán giang san)

(*Quan Đế miếu* - Châu Phú)

青衣讀春秋半朵燭光隆月色

赤心仲討伐一弼劍氣繞星寒

*Thanh y độc xuân thu, bán đoá chúc
quang long nguyệt sắc²;*

*Xích tâm trọng thảo phạt, nhất sao
kiếm khí nhiều tinh hàn.*

(Áo xanh đọc Xuân Thu, nửa bó
đuốc, ánh sáng ngài sắc nguyệt;

¹ Tất cả bản phiên âm Hán Việt và dịch nghĩa trong bài là của người viết. Khi dịch, người viết đã cố gắng thoát ý để thể hiện phần nào tính chất đăng đối, vẻ đẹp thẩm mỹ đặc trưng của câu đối cổ.

² Trong lần đưa hai chị dâu là Cam, My phu nhân đi tìm Lưu Bị, nửa đêm, để giữ lễ, Quan Công thắp đuốc, thức đọc kinh Xuân Thu canh cửa, bảo vệ hai chị.

Lòng đỏ giữa sa trường, một đốm
kiếm, khí xông lạnh trời sao)

(*Quan Đế cổ miếu* - Tân Châu)

Người Hoa không chỉ kính sợ Quan Công bởi thần thái đầy uy vũ mà còn sùng mộ ông bởi tài năng, trí tuệ và những vẻ đẹp nhân cách ngài sáng được lý tưởng hóa. Ông là biểu tượng của tinh thần chính trực, khảng khái, lòng trung nghĩa, phẩm chất thanh cao sáng ngài như mặt trăng, mặt trời, lại thông minh, sáng suốt, chăm đọc sử sách, văn chương che trùm sao Ngưu, sao Đẩu, võ công cái thế, một đao một ngựa, rong ruổi chinh chiến, oai vọng lớn lao, khiến anh hùng, sĩ tử thời Tam Quốc đều kinh tâm táng đờm:

正本清原丹心一點凌霄漢

精忠日月萬古文章貫斗牛

*Chính bản thanh nguyên, đan tâm
nhất điểm lãng Tiêu Hán;*

*Tinh trung nhật nguyệt, vạn cổ văn
chương quán Đẩu Ngưu.*

(Vốn chính trực thanh cao, một tấc
lòng son vượt Tiêu Hán;

Trung nghĩa ngài nhật nguyệt, vạn
thuở văn chương che Đẩu Ngưu)

(*Quan Đế miếu* - Châu Phú)

匹馬斬顏良河北英雄皆喪胆

單刀會魯肅江南士子盡低頭

*Thất mã trảm Nhan Lương, Hà Bắc
anh hùng giai táng đờm;*

*Đơn đao hội Lỗ Túc, Giang Nam sĩ
tử tận đê đầu.*

(Một ngựa chém Nhan Lương, anh
hùng Hà Bắc đều võ mặt;

Đơn đao gặp Lỗ Túc, sĩ tử Giang
Nam cúi đầu)

(*Quan Đế Thánh miếu* - Phú Tân)

Ở nội dung này, người sáng tác thường chú ý khai thác các chi tiết được đại đa số quần chúng yêu thích, truyền tụng và có khả năng thể hiện một cách tập trung, sắc nét về đẹp tài năng, trí tuệ, phẩm chất của Quan Công như sở thích nghiền ngẫm kinh Xuân Thu; chong đèn đọc sách giữ lễ tiết, bảo vệ hai chị dâu trên đường tìm anh; để lại ấn tín, vàng bạc của Tào Tháo tặng trước khi rời Ngụy; qua năm ải chém sáu tướng, tha chết cho Tào Tháo ở đạo Hoa Dung để trả ơn xưa... Những câu đối trong Quan Đế miếu ở Châu Phú và Long Xuyên được dẫn dưới đây là những trường hợp tiêu biểu cho sắc thái trang nghiêm, âm điệu hào hùng, vẻ đẹp cô đọng, hàm súc, đả độn của lời văn tụng ca và các hình ảnh được sử dụng phổ biến khi tôn vinh vẻ đẹp tài trí, phẩm cách của Quan Công:

騎赤兔過五關掛仰封金鳳眼羞看
曹富貴

提青龍經百戰秉燈讀史虎威莫鎮
漢乾坤

*Kị xích thố, quá ngũ quan, quải
ngưỡng phong kim, phượng nhãn tu khán
Tào phú quý;*

*Đề thanh long, kinh bách chiến, bình
đăng độc sử, hổ uy mạc trấn Hán càn khôn.*

(Cỡi Xích Thố, qua năm ải¹, treo ấn từ
lộc², mắt phượng thẹn nhìn phú quý họ Tào;

Cử Thanh Long, ruổi chinh chiến,
chong đèn đọc sử, uy hổ trấn giữ giang
son nhà Hán)

1 Tích Quan Công đưa hai chị đi tìm Lưu Bị, qua năm ải, chém sáu tướng của Tào Tháo.

2 Tích Quan Công, khi bỏ Tào Tháo ra đi, treo ấn lên sảnh đường, vàng bạc của cải đã nhận của Tào Tháo đều để lại.

秉燭不避嫌此夜心中懷有漢

華容非報義當年目下視無曹

*Bình chúc bất tị hiềm, thử dạ tâm
trung hoài hữu Hán;*

*Hoa Dung phi báo nghĩa, đương niên
mục hạ thị vô Tào.*

(Thắp đuốc để tránh nghi ngờ, đêm
ấy, trong lòng chỉ có Hán;

Hoa Dung không vì trả nghĩa, năm
xưa, dưới mắt chẳng nhìn Tào)

Đặc biệt, hai câu đối ca ngợi chí khí
lẫm liệt, tinh thần trung nghĩa ngợi sáng
của Quan Công được dẫn dưới đây xuất
hiện rất phổ biến không chỉ trong các di
tích chùa miếu của người Hoa mà còn
trong các di tích đình, chùa người Việt có
phối thờ Quan Công ở An Giang nói riêng
và khắp Đồng bằng sông Cửu Long nói
chung. Từ góc nhìn giao lưu, tiếp biến văn
hóa, đây là một trong những minh chứng
vừa cho thấy tính chất hỗn dung về tín
ngưỡng do đặc trưng của đời sống cộng cư
nhiều dân tộc trên vùng đất mới; vừa thể
hiện lòng ngưỡng mộ của cư dân người
Việt đối với một vị anh hùng có tính cách
trượng nghĩa, khinh tài, hào hiệp, khẳng
khái, rất phù hợp với tính cách của lớp lưu
dân đàng ngoài trong buổi đầu vào khai
phá đất phương Nam:

千秋義勇無雙仕

萬古精忠第壹人

Thiên thu nghĩa dũng vô song sĩ;

Vạn cổ tinh trung đệ nhất nhân.

(Ngàn thu nghĩa dũng vô song sĩ,

Vạn thuở trung trinh đệ nhất nhân)

志在春秋功在漢

忠同日月義同天

Chí tại Xuân Thu, công tại Hán;

Trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên.

(Chí ở Xuân Thu, công tại Hán,
Trung sánh nhật nguyệt, nghĩa sánh trời)

Âm điệu tụng ca cũng là âm điệu chủ đạo trong những câu đối có nội dung khái lược các sự kiện quan trọng, các chiến tích lẫy lừng trong cuộc đời người anh hùng đệ nhất thời Tam Quốc. Trong những trường hợp tiêu biểu dưới đây được ghi nhận ở Quan Thánh miếu (Long Xuyên), người sáng tác đã khéo léo xâu chuỗi những chi tiết trùng lặp rồi kết hợp với thủ pháp điệp tự để đúc kết toàn bộ cuộc đời, công tích của Quan Công một cách cô đọng, hàm súc bằng những điểm nhấn tạo ấn tượng khá sâu sắc và thú vị:

生蒲州事豫州戰徐州守荊州神州
有赫

兄玄德弟翼德捨龐德放孟德志德無¹

¹ Câu đối này cũng xuất hiện trong các hội quán, chùa, miếu thờ Quan Công của người Hoa ở nhiều nơi tại Nam Bộ. Ở mỗi nơi, có thể có một số khác biệt về từ ngữ. Chẳng hạn, trong *Sài Gòn năm xưa*, Vương Hồng Sển khi đến Nghĩa Nhuận hội quán ở Chợ Lớn, đã cho biết: “Lạ nhứt và mừng nhứt là được gặp tại đây câu liên thờ Quan Đế bấy lâu nghe đồn mà không biết ở đâu, trong câu, gồm hết một bộ truyện Tam Quốc”. Đó là câu đối sau: “Sinh Bồ Châu, sự Dục Châu, chiến Từ Châu, thủ Kinh Châu, vạn cổ thần châu hữu nhứt - Huynh Huyền Đức, đệ Dục Đức, xá Bàng Đức, thích Mạnh Đức, thiên thu thánh đức vô song” [3; tr.209]. So với câu đối tại Quan Thánh miếu ở Long Xuyên, câu đối tại Nghĩa Nhuận hội quán (Chợ Lớn) có vài khác biệt như dùng chữ *nhứt* (nhất) trong “hữu nhứt” để đối với “vô song” ở vế dưới (hợp lý hơn) hoặc thêm cụm từ *vạn cổ, thiên thu...*

Sinh Bồ Châu, sự Dục Châu, chiến Từ Châu, thủ Kinh Châu, thần châu hữu hách;

Huynh Huyền Đức, đệ Dục Đức, cầm Bàng Đức, phóng Mạnh Đức, chí đức vô song

(Sinh Bồ Châu, phụng sự ở Dục Châu, đánh Từ Châu, trấn Kinh Châu, thần châu² hiển hách có một,

Anh là Huyền Đức, em là Dục Đức, bắt Bàng Đức, tha Mạnh Đức, chí khí đức độ không hai)³

兄玄德弟翼德丹心振德

師卧龍友子龍保護真龍

Huynh Huyền Đức, đệ Dục Đức, đan tâm chấn đức;

Sư Ngọa Long, hữu Tử Long, bảo hộ chân long.

(Anh là Huyền Đức, em là Dục Đức, lòng son chấn đức;

Thầy là Ngọa Long, bạn là Tử Long, bảo vệ chân long)⁴

Trong một câu đối ở Quan Đế cổ miếu (Tân Châu), người sáng tác không chỉ cô

² Thần châu: chỉ Trung Quốc.

³ Câu đối nêu quê hương, gốc tích và những công trạng của Quan Công: Ông là người Giải Lương, quận Hà Đông, nay thuộc quận Vận Thành, tỉnh Sơn Tây nhưng *Tam Quốc ngoại truyện* cho rằng ông sinh ở Bồ Châu. Ông kết nghĩa anh em cùng Lưu Huyền Đức (Lưu Bị) và Trương Dục Đức (Trương Phi), chém Xa Trụ, tướng của Tào Tháo ở Từ Châu, nhận lệnh trấn giữ đất Kinh Châu, bắt rồi sau đó chém Bàng Đức, một viên tướng của Mã Đằng, Mã Siêu ở Khoái Khẩu và tha chết cho Tào Tháo (Mạnh Đức) trong trận Xích Bích nổi tiếng.

⁴ Ngọa Long: Khổng Minh. Tử Long: Triệu Tử Long, một trong những vị tướng tài nổi tiếng của Lưu Bị.

đúc được những chiến công lẫy lừng của vị đại khai quốc công thần nước Thục mà còn phản ánh được quá trình bất tử hóa, thần thiêng hóa từ nhân vật Quan Công trong chính sử trở thành một vị thần được phong vương vào đời Tống rồi phong đế vào đời Minh (Quan Thánh Đế Quân).

伏吳魏以興劉耿耿丹心昭日月
封侯王而至帝巍巍義氣配乾坤

Phục Ngô, Ngụy dĩ hưng Lưu¹, cảnh cảnh đân tâm chiêu nhật nguyệt;

Phong hầu vương nhi chí đế, nguy nguy nghĩa khí phối càn khôn.

(Phục Ngô, Ngụy đế hưng Lưu, lòng son chói ngời cùng nhật nguyệt;

Phong hầu, vương rồi tới đế, nghĩa khí lồng lộng sánh càn khôn)

Bên cạnh những nội dung ca ngợi đáng vẻ oai phong, chí khí lâm liệt, tài năng, trí tuệ, phẩm chất ngời sáng và những chiến công lẫy lừng của người anh hùng đệ nhất thời Tam Quốc, hệ thống câu đối trong các di tích chùa, miếu thờ Quan Công ở An Giang còn chứa đựng những thông điệp có ý nghĩa giáo huấn lòng kính tín, biết ơn vị thần đã âm phù cho các thế hệ di dân người Hoa khi định cư trên vùng đất mới; nhắc nhở con cháu phải biết tu dưỡng đạo đức, học tập đức tính trung, hiếu, tín, nghĩa của ông. Nhiều câu đối hàm ý nhắc nhở rằng khí khái lâm liệt, tấm gương trung nghĩa ngời sáng của Quan Công từ ngàn xưa vẫn còn lưu dấu và mong mỏi rằng ông sẽ mãi mãi âm phù, khôn thiêng che chở, giúp cho cư dân có cuộc sống bình yên sung túc trên vùng đất mới:

正氣滿乾坤北魏東吳何在
英名高豫益青龍赤兔如存

Chính khí mãn càn khôn Bắc Ngụy, Đông Ngô hà tại;

Anh danh cao Dự, Ích², Thanh Long, Xích Thố như tồn.

(Chính khí lấp đất trời, Bắc Ngụy, Đông Ngô nào đâu tá;

Thanh danh cao Dự, Ích, Thanh Long, Xích Thố vẫn còn đây)

(Quan Thánh miếu - Châu Đốc)

威德配山川千秋香煙盛

靈通同天地顯祐保全民

Uy đức phối sơn xuyên, thiên thu hương yên thịnh;

Linh thông đồng thiên địa, hiển hựu bảo toàn dân.

(Oai đức sánh núi sông, ngàn thu hương khói thịnh;

Linh thông cùng trời đất, hiển hách trợ toàn dân)

(Quan Đế cổ miếu - Tân Châu)

Với phẩm chất “tuyệt trung nghĩa”, ông còn được kính tín như một vị thần công lý, luôn bảo vệ lẽ phải, có thể thấu tỏ, minh định, phát hiện người ngay, kẻ gian; có thể chứng chiếu, bênh vực cho những tấm lòng thiện lương, trung hậu, biết giữ tín nghĩa nhưng cũng có thể trừng phạt kẻ gian dối, lừa đảo, vong tình bội nghĩa, bất tín, trá trở lừa gạt. Một vài giai thoại cho biết khi việc kinh doanh, hùn hạp có tranh chấp, người Hoa thường đem nhau đến trước bàn thờ Quan Công để thề

¹ Ngô, Ngụy, Lưu: Tức ba nước Ngô, Ngụy, Thục thời Tam quốc.

² Dự châu, Ích Châu: Nơi ghi dấu những công lao của Quan Công trong thời gian phò tá cho Lưu Bị.

thốt, nhờ ông chứng giám [4, tr.124]. Vì lẽ đó, trong một câu đối ở Quan Thánh miếu (Long Xuyên), người sáng tác đã có ý nhắc nhở bất kỳ ai đến chỗ thờ phụng Quan Công rằng phải thực sự nghiêm cẩn, tự xét mình, phải giữ lòng thuần thành khi vào miếu chiêm bái, cầu xin:

有半點忠孝心腸方可登堂頂禮

無一分兄弟情義何容入廟燒香

*Hữu bán điểm trung hiếu tâm trường,
phương khả đặng đường đánh lễ;*

*Vô nhất phần huynh đệ tình nghĩa, hà
dung nhập miếu thiêu hương.*

(Có nửa điểm gan ruột trung hiếu mới
được đặng đường đánh lễ;

Không một phần tình nghĩa huynh
đệ sao cho vào miếu thắp hương)

4. Từ trong lịch sử, Quan Công, một vị võ tướng, anh hùng thời Tam Quốc đã hóa thân hoàn hảo thành một nhân vật được đặc biệt yêu mến, ngưỡng mộ trong giai thoại dân gian và văn chương bác học, rồi được bất tử hóa, thần thiêng hóa trong đời sống tín ngưỡng Trung Hoa. Theo bước chân của những thế hệ Hoa kiều, Khách trú, tín ngưỡng thờ Quan Công lại tiếp tục tạo nên những vòng sóng tâm thức, lan tỏa từ trung tâm ra các vùng ngoại biên, bất kỳ nơi nào có di dân người Hoa đến định cư, lập nghiệp. Thậm chí, khi du nhập vào vùng đất Nam bộ, tín ngưỡng thờ Quan Công không chỉ bắt gốc bén rễ trong đời sống văn hóa của cộng đồng người Hoa mà

còn vuron cành, tỏa bóng, mở rộng tầm ảnh hưởng, giao thoa, tạo thành đặc điểm hỗn dung, phức hợp tín ngưỡng độc đáo trong đời sống văn hóa của người Việt. Rõ ràng, đây là một diễn trình lâu dài và phức tạp mà muốn lý giải, dứt khoát cần phải nhìn sâu vào bản chất của một hình mẫu lý tưởng có thể tích hợp trong nó những hằng số đạo đức mà con người hướng thiện dù ở thời đại nào cũng xem là chuẩn mực cần phấn đấu tu dưỡng để thành công, thành danh hay ít nhất cũng thành nhân. Từ lý do nêu trên, có thể khẳng định rằng: Nếu tín ngưỡng thờ Quan Công được xem là một phần đóng góp vào bức tranh đa diện, đa sắc của vùng văn hóa Nam bộ thì hệ thống câu đối tại các di tích chùa, miếu thờ Quan Công của người Hoa cũng đã đóng góp được một dấu ấn, một tiếng nói riêng, để cùng với các tác phẩm văn chương khác của hai dân tộc Việt, Hoa tạo thành nét đặc sắc của bộ phận văn chương Hán Nôm trên vùng đất mới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Cao Xuân Dục (chủ biên, 1998), *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- [2] Đào Trinh Nhất (2016), *Thế lực Khách trú và vấn đề di dân vào Nam kỳ* (Tái bản), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [3] Nhiều tác giả (2012), *Đặc khảo văn hóa người Hoa ở Nam bộ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [4] Vương Hồng Sển (1991), *Sài Gòn năm xưa*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.